CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 71/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM /2022

(TCCS 23:2021/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 7, Đường 17A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251 3836601 Fax: 0251 3836602

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung NGŨ CỐC ĂN SÁNG NESTLÉ FITNESSE ORIGINAL**
2. Thành phần: Bột ngũ cốc 88,7% [*lúa mì* nguyên cám (có chứa *gluten*) 75,9%, *yến mạch* nguyên cám (có chứa *gluten*) 12,8%], đường, chiết xuất mạch nha *lúa mạch* [*lúa mạch* (có chứa *gluten*), tinh bột sắn], các khoáng chất (calci carbonat, sắt khử), muối i-ốt (natri clorid, kali iodat), sirô glucose, chất nhũ hóa 471, chất ổn định 339(iii), chất chống oxy hóa 307b, các vitamin (B3, B5, B6, B2 và B9).

   Sản phẩm có chứa *gluten* và có thể chứa *đậu nành*, *sữa* và các *hạt* (gồm có *dừa*).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 tháng.

   Ngày sản xuất (NSX) và Hạn sử dụng (HSD): in trên nắp hộp sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 375 g/hộp.
   - Quy cách đóng thùng carton: 18 hộp x 375 g/thùng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói màng nhôm phức hợp rồi cho vào hộp giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

   - Xuất xứ: Phi-líp-pin.

- Sản xuất bởi: Nestlé Philippines, INC. and CPW Philippines, INC. Địa chỉ: Brgy. Bagong Pook, Lipa City, Batangas 4217, Phi-líp-pin.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Có nhãn đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.6; 2.2; 4.6; 5.5).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 2.20; 3.18; 4.13).

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm (Mã nhóm thực phẩm: 06.3 - *Ngũ cốc ăn sáng, bao gồm cả yến mạch xay*).
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Mục 6.5.2).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2022

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

Trần Trung Kiên

Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Ngành hàng mới

D2D ARTWORK & PREPRESS MASTERFILE	Master Brand: CPW	Range/Product Brand: FITNESSE Original	
	Denominator:	Product Description: 375g	
	Component Description: Flatsheet		
	Filename: 20-2431_CPW_FITNESSEOriginalNewVisualIdentity_375g_FS_AM_43898666		
Nestlé Good Food, Good Life	ZPCK: 43898666	Includes Final Label Text: ☐ Yes ☐ No	
	FERT:	Includes Original Visual Assets: ☐ Yes ☐ No	
	FTIN (EA/CS):	Printer Specifications are final: ☐ Yes ☐ No	
		Technical Drawing is final: ☐ Yes ☐ No	

Spot-on Design, Inc. Unit 202, 3779 Mascardo St., Brgy. Sta. Cruz, Makati City, Philippines (632) 890 0892 • www.spot-ondesign.com.ph anmorena@spot-ondesign.com.ph	PROJECT NO.	20-2431	DATE 04-30-21
	CLIENT	NESTLÉ PHILIPPINES	CREATIVE RLL
	PROJECT	FITNESSE Original New Visual Identity 375	FORMAT ILLUSTRATOR CC
	Although utmost care is being done to produce this artwork, clients are requested to check content veracity and conformity to the required specifications to minimize revisions. We would like to take into account the amount of energy, consumables and environmental waste this Digital Print will produce. Think it important! Thank You!		

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03652ATP2	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/06/2022 Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **THỰC PHẨM BỔ SUNG NGŨ CỐC ĂN SÁNG NESTLÉ FITNESSE ORIGINAL**

2. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 24/05/2022

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 25/05/2022 – 03/06/2022

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang / *See page* 02&03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 49 Pasteur, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03652ATP2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng chì, *Lead content*	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.2. Hàm lượng cadimi, *Cadmium content*	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng thủy ngân, *Mercury content*	mg/kg	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Hàm lượng aflatoxin B1, *Aflatoxin B1 content*	µg/kg	TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Hàm lượng ochratoxin A, *Ochratoxin A content*	µg/kg	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), *Deoxynivalenol content*	µg/kg	QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng zearalenone, *Zearalenone content*	µg/kg	QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	15	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), *Total aflatoxin content*	µg/kg	TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-03652ATP2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.9. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g *Total aerobic plate count*	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.10. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.11. *E.Coli*, MPN/g	ISO16649 – 3 : 2015	-	0
7.12. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.13.*Clostridium perfringens*, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.14. *Bacillus cereus* giả định, CFU/g *Presumtive bacillus cereus*	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.15. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g *Total yeasts & moulds*	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*

Ghi chú/ *Notes*:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .